

Số: **37** /BC-HDQT

Hạ Long, ngày 24 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN 24H

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: **CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM -VINACOMIN**

Mã chứng khoán: HLC

Trụ sở chính: Số 1- Phố Tân lập - Phường Hà Lâm - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Số điện thoại: 0203 3825 339

Số Fax: 0203 3821 203

Người thực hiện CBTT: Phạm Văn Tác

Địa chỉ: Tổ 7 Khu 2A, P. Cao Thắng, TP Hạ long - Quảng Ninh

Điện thoại di động: 0912 392 290

Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin công bố thông tin về: Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, họp ngày 24/4/2019.
2. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải thông tin: halamcoal.com.vn- Mục quan hệ cổ đông/Công bố thông tin.

Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin xin được CBTT nêu trên đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và thực hiện CBTT ra công chúng theo quy định hiện hành.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố nêu trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

(Tài liệu đính kèm: Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông năm 2019)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Giám đốc;
- Phòng CV (đăng tải Công bố TT)
- Lưu: Hồ sơ đại hội.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
THỦ KÝ CÔNG TY

Phạm Văn Tác

Số: 01/2019/BB-ĐHĐCĐTN

Hạ Long, ngày 24 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN
Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh:	VINACOMIN-HALAM COAL JOINT STOCK COMPANY
Mã số doanh nghiệp:	5700101637
Mã chứng khoán:	HLC
Địa chỉ doanh nghiệp:	Số 1, Phố Tân Lập- Phường Hà Lâm - TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
Thời gian họp:	Từ 7h, ngày 24/4/2019, bắt đầu từ 11h30 ngày 24/4/2019
Địa điểm họp:	Hội trường Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin
Chương trình họp:	Theo Chương trình đã được đại hội thông qua.
Chủ tọa:	Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT.
Thư ký:	Ông Phạm Văn Tác - Mã số đại diện cổ đông số 20.
Thành phần dự họp đại hội	HDQT, BKS, các cán bộ quản lý khác của Công ty, ứng viên thành viên BKS, cổ đông và người đại diện được ủy quyền.
Số người dự họp tại thời điểm khai mạc đại hội	55 cổ đông và người đại diện được ủy quyền, sở hữu và đại diện sở hữu cho 20.054.747 cổ phần, chiếm 78,91 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
Số người dự họp sau thời điểm đã khai mạc xong và bắt đầu chuyển sang phần báo cáo dự thảo Chương trình và Quy chế đại hội.	có 60 cổ đông và người đại diện được ủy quyền (đến thêm 5 người), sở hữu và đại diện sở hữu cho 20.065.734 cổ phần, chiếm 78,95 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
Số người dự họp tại thời điểm bỏ phiếu bầu thành viên BKS	Còn 59 cổ đông và người đại diện được ủy quyền (vì 1 người ra về), sở hữu và đại diện sở hữu cho 20.063.433 cổ phần, chiếm 78,94 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
Số người dự họp tại thời điểm sau khi bỏ xong phiếu bầu thành viên BKS	Còn 56 cổ đông và người đại diện được ủy quyền (vì 3 người ra về), sở hữu và đại diện sở hữu cho 20.057.055 cổ phần, chiếm 78,91 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Phần 1
THỦ TỤC BAN ĐẦU HỌP ĐẠI HỘI

1. Đăng ký họp đại hội: Ban Tổ chức và Ban kiểm tra tư cách dự họp của cổ đông và người đại diện thực hiện kiểm tra giấy tờ, làm thủ tục đăng ký, phát tài liệu và thẻ biểu quyết.

2. Khai mạc, giới thiệu chủ tọa: Ông Trương Ngọc Linh - Thành viên HĐQT
- Khai mạc họp đại hội
- Giới thiệu ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa họp đại hội.

3. Đề cử và bầu Thư ký: Chủ tọa đề cử ông Phạm Văn Tác - Đại diện cổ đông - Mã số 20 làm Thư ký đại hội. Đại hội nhất trí thông qua

4. Đề cử Ban kiểm phiếu bầu quyết và tổ chức bầu thành viên BKS.

Chủ tọa đề cử và được đại hội nhất trí thông qua những người có tên dưới đây vào Ban kiểm phiếu:

- Ông Phạm Văn Phần - Cổ đông - Mã số 18 - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Huế - Cổ đông - Mã số 16 - Thành viên
- Ông Phạm Văn Thắng - Cổ đông - Mã số 47 - Thành viên

5. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, người đại diện và các điều kiện để tiến hành đại hội.

Ông Phạm Văn Phần - Trưởng ban Tổ chức và Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, người đại diện, các điều kiện để tiến hành đại hội và kết luận: Đã hội đủ điều kiện để tiến hành họp đại hội.

Phần II

CHƯƠNG TRÌNH VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI

1. Dự thảo Chương trình và Quy chế làm việc của đại hội

Ông Trương Ngọc Linh - Thành viên HĐQT trình bày dự thảo Chương trình họp và Quy chế làm việc của họp đại hội.

2- Biểu quyết thông qua:

(i) Thông qua dự thảo Chương trình họp

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	60	20.065.734	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

(ii) Thông qua Quy chế làm việc của họp Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	60	20.065.734	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

Phần III

CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH VÀ THÔNG BÁO TẠI ĐẠI HỘI

- Nội dung 1** Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch cổ tức năm 2019.
- Nội dung 2** Báo cáo Tài chính tóm tắt năm 2018 đã kiểm toán
- Nội dung 3** Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018
- Nội dung 4** Báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2018; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2019

Nội dung 5	Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019.
Nội dung 6	Thông báo danh sách người liên quan và lợi ích liên quan theo điểm a-khoản 4- Điều 159 - Luật Doanh nghiệp
Nội dung 7	Tờ trình miễn nhiệm Thành viên BKS
Nội dung 8	Báo cáo của BKS về kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018
Nội dung 9	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc năm 2018
Nội dung 10	Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên BKS trong năm 2018
Nội dung 11	Đề xuất Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019.

Phần IV

THẢO LUẬN VÀ TRẢ LỜI Ý KIẾN

Tại đại hội, các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền không có ý kiến

Phần V

BIỂU QUYẾT TỪNG NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

1- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch cổ tức năm 2019

(i) Kết quả SXKD năm 2018 về một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH đại hội năm 2018	KH 2018 điều chỉnh	Thực hiện năm 2018 (lấy tròn số)	So sánh TH / KH đại hội 2018 (%)	So sánh TH / KH điều chỉnh (%)
1	2	3	4	5	6	7= 6/4	8= 6/5
I	Than nguyên khai	1000 Tấn	2.700	2.900	2.920	108,14	100,68
	- Lộ thiên	..	300	500	520	173,33	104
	- Hầm lò	..	2.400	2.400	2.400	100	100
II	Đất CBSX	m ³	1.800.000	3.000.000	3.007.094	167	100,20
III	Đào lò đảo (mét lò CBSX)	m	9.150	8.250	8.269	90,37	100,23
IV	Than tiêu thụ	Tấn	2.613.000	2.820.000	2.935.512	112,34	104,09
V	Doanh thu SX than	Tr.đ	2.673.000	3.036.699	3.133.891	117,24	103,20
VI	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	35.525	35.525	66.652	187,61	187,61
VII	Lao động định mức B/q	Người	3.468	3.468	3.330	96	96,02
	Tiền lương bq/ng/tháng	1000đ	11.804	11.804	13.261	112,34	112,34

(ii) Kế hoạch SXKD năm 2019 về một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019
I	Than nguyên khai	1000 Tấn	3.150
	- Lộ thiên	..	750
	- Hầm lò	..	2.400
II	Đất CBSX	1000 m ³	1.430
III	Đào lò đảo CBSX	m	9.500
IV	Than tiêu thụ	1000tấn	3.005

TT	Chi tiêu	ĐVT	KH năm 2019
V	Doanh thu SX than	Tr.đ	2.973.677
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	43.048
VII	Lao động định mức B/q	Người	3.145
-	Tiền lương bq/ng/tháng	1000đ	13.540

- Đại hội ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD khi điều kiện SXKD có sự thay đổi hoặc Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh hợp đồng phối hợp kinh doanh với Công ty, nhưng phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

- Kế hoạch cổ tức năm 2019 từ 6 ÷ 7%/VDL

* *Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- *Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần*

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

2- Báo cáo Tài chính tóm tắt năm 2018 đã kiểm toán, nội dung chủ yếu sau: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	556 811 730 154	271 851 301 915
1	- Tiền và các khoản tương đương tiền	1 515 891 410	1 158 090 857
2	- Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	- Các khoản phải thu ngắn hạn	411 114 351 064	42 104 069 202
4	- Hàng tồn kho	118 858 260 855	201 867 724 796
5	- Tài sản ngắn hạn khác	25 323 226 825	26 721 417 060
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	3 378 037 178 846	3 775 851 546 523
1	- Các khoản phải thu dài hạn	32 702 689 405	31 224 349 225
2	- Tài sản cố định	2 988 038 069 662	3 139 566 374 396
3	- Tài sản dở dang dài hạn	2 240 569 497	333 301 340 125
4	- Tài sản dài hạn khác	355 055 850 282	271 759 482 777
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3 934 848 909 000	4 047 702 848 438
III	NỢ PHẢI TRẢ	3 608 582 281 726	3 730 287 021 438
1	- Nợ ngắn hạn	897 652 305 464	543 600 363 714
2	- Nợ dài hạn	2 710 929 976 262	3 186 686 657 724
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	326 266 627 274	317 415 827 000
1	Vốn chủ sở hữu	326 266 627 274	317 415 827 000
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	254 151 990 000	254 151 990 000

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Quỹ đầu tư phát triển	18 900 919 202	12 257 849 578
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53 213 718 072	51 005 987 422
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3 934 848 909 000	4 047 702 848 438

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	3 150 769 231 563	2 723 201 712 430
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần (10 = 01-02)	3 150 769 231 563	2 723 201 712 430
4- Giá vốn hàng bán	2 626 276 142 826	2 164 016 987 445
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	524 493 088 737	559 184 724 985
6- Doanh thu hoạt động tài chính	1 004 560 429	1 156 448 158
7- Chi phí tài chính	289 229 319 946	289 446 399 095
- Trong đó: Chi phí lãi vay	289 229 319 946	289 446 399 095
8- Chi phí bán hàng	52 279 827 711	48 639 050 280
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	117 426 908 667	160 042 114 375
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	66 561 592 842	62 213 609 393
11- Thu nhập khác	689 276 348	2 197 605 302
12- Chi phí khác	598 370 647	653 730 418
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	90 905 701	1 543 874 884
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	66 652 498 543	63 757 484 277
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13 438 780 471	12 751 496 855
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	53 213 718 072	51 005 987 422
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	700	1 022

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	85,84	93,28
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	14,16	6,72

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	16,48	7,19
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	83,52	92,81
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	- Khả năng thanh toán hiện thời	0,62	0,50
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,48	0,12
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,69	1,87
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	1,35	1,26
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	19,49	19,15
5	Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)	13,17	13,98

* Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)
- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giới biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

3- Tờ trình: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

TT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
I	Lợi nhuận trước thuế	66.652
1	Trích nộp thuế TNDN	13.438
II	Lợi nhuận sau thuế	53.214
1	Chia cổ tức: 8% vốn điều lệ	20.332
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích nội dung (1)	32.882
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Quỹ thưởng viên chức quản lý (≤ 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2018)	416
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (≤ 3 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2018)	
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.466

* Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)
- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giới biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại
--------	---	------------------------	---

			thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

4- Báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2018; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2019

(i) Mức thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS kiêm nhiệm chức vụ hằng tháng năm 2018.

TT	Chức danh	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	27.000.000	27.000.000 x 20% = 5.400.000
2	Thành viên HĐQT	23.000.000	23.000.000 x 20% = 4.600.000
3	Trưởng BKS	23.000.000	23.000.000 x 20% = 4.600.000
4	Thành viên BKS	23.000.000	23.000.000 x 20% = 4.600.000

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2018

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Tiền lương giao khoản 1 tháng theo QĐ279 (1000đ)	Tiền lương bình quân 1 tháng TH năm 2018 (1000đ)	Tiền lương kế hoạch 1 tháng năm 2019 (1000đ)	Quỹ lương KH năm 2019 (1000đ)
1	Giám đốc	1	26.000	39.000	39.000	468.000
2	Phó giám đốc	5	115.000	172.500	172.500	2.070.000
3	Kế toán trưởng	1	21.000	31.500	31.500	378.000
	Tổng cộng	7	162.000	243.000	243.000	2.916.000

(iii) Kế hoạch tổng mức tiền lương và thù lao Công ty sẽ trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty năm 2019 như sau:

TT	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (Tr.đ/năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	64,8	
2	Thành viên HĐQT	04	220,8	
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm	01	46	
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	110,4	
5	Giám đốc	01		468
6	Phó giám đốc	05		2.070
7	Kế toán trưởng	01		378
	Tổng cộng		442	2.196

Phương thức chi trả thù lao và tiền lương: Hằng quý các thành viên HĐQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao của quý đó; hằng tháng các cán bộ quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

* Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

5 - Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019.

(i) Hoạt động quản trị trong HĐQT: Cơ cấu HĐQT đảm bảo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014. HĐQT có 5 thành viên. Trong đó: 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành của Công ty; 02 là thành viên không điều hành.

Để HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời, có cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, ngày 08/5/2018 Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định số 55/QĐ-HĐQT để phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên. Trong năm 2018, HĐQT tổ chức 23 Phiên họp, ban hành 23 Nghị quyết, 62 quyết định đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Các phiên họp đảm bảo 100% thành viên tham dự, có sự tham gia của Trưởng BKS và đại diện các phòng, ban có liên quan đến nội dung phiên họp. Biên bản được thông qua phiên họp để làm cơ sở cho ban hành Nghị quyết HĐQT.

(ii) Hoạt động của HĐQT trong Giám sát hoạt động của Ban giám đốc và kế toán trưởng:

Năm 2018 Ban Giám đốc thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ. Đồng thời, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ quản lý phụ trách từng khâu công việc; phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban tham mưu. Đồng thời đề ra các giải pháp pháp điều hành hợp lý, phù hợp với tình hình, đặc điểm tại từng thời điểm; thực hiện sáp nhập đơn vị, giảm đầu mối, bố trí lại lao động; đẩy mạnh SX, hướng ứng và phát động thi đua 90 ngày đêm rộng khắp tới toàn cán bộ CNV trong toàn Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, thiết bị cơ giới hóa lò chợ và đảo lò; nâng cao công tác quản trị các nguồn lực (*quản trị chi phí, nhân sự, tài chính, và quản trị rủi ro...*); khuyến khích tăng năng suất lao động; bảo vệ tài nguyên; bảo vệ môi trường; chống thất thoát than; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên các mặt; nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành

Đối với Kế toán trưởng thực hiện quản lý tài chính, hạch toán chi phí sản xuất, chi phí đầu tư XD CB và các chế độ thu, chi khác kịp thời, đúng chế độ, đúng đối tượng; thanh toán mức cổ tức đúng Nghị quyết đại hội; tham mưu huy động nguồn vốn kịp thời đáp ứng nhu cầu cần thiết, không gây trở ngại cho quá trình SXKD và đầu tư. Chi trả nợ gốc và lãi vay đến hạn kịp thời, không để xảy ra nợ quá hạn hoặc nợ xấu; báo cáo tài chính năm 2018 lập kịp thời, đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu; sau kiểm toán không có khoản nào bị ngoại trừ.

Vì vậy, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2018, đảm bảo an toàn về mặt tài chính. Trong hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

HĐQT đánh giá: 05 đ/c trong Ban Giám đốc và kế toán trưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 01 phó giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

(iii) Phương hướng, nhiệm vụ 2019 của HĐQT

- Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

- Tăng cường quản lý Công ty trên các mặt; kiểm tra việc tổ chức thực hiện ở các khâu; từng bước sắp xếp lại tổ chức theo Quyết định 500/QĐ-TKV cho phù hợp với đặc điểm, tình hình SXKD tại từng thời điểm;

- Tiếp tục quản trị các nguồn lực để Công ty an toàn trên các lĩnh vực; tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm; tăng cường sự phối hợp lãnh đạo giữa HĐQT với Đảng ủy, Giám đốc Công ty theo đúng Nghị quyết liên tịch, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức KHSXKD năm 2019 và tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, bảo toàn vốn... thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

- Đầu tư đổi mới công nghệ ở nhiều khâu, phù hợp với khả năng tài chính của Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; bảo vệ tài nguyên và các tài sản khác; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, giữ vững trật tự doanh nghiệp.

* *Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- *Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần*

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ ghi biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

6 -Tờ trình đề nghị miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Đại hội đã bầu 3 thành viên BKS gồm các ông, bà có tên dưới đây:

- (1) Ông Bùi Hữu Đăng
- (2) Ông Trịnh Xuân Khoa
- (3) Bà Trần Thị Ngạn

Trong đó: ông Bùi Hữu Đăng và ông Trịnh Xuân Khoa là Người đại diện của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam tham gia BKS. Ban kiểm soát đã họp bầu ông Bùi Hữu Đăng giữ chức vụ Trưởng BKS Công ty.

Đến ngày 05/4/2019, ông Bùi Hữu Đăng có đơn từ chức thành viên BKS gửi đến Trụ sở Công ty với lý do nghỉ chế độ hưu trí, nên không tiếp tục tham gia BKS.

Căn cứ Điều 15, khoản 2, điểm đ và Điều 37- khoản 4 - Điểm b - Điều lệ Công ty, thì chức vụ Thành viên BKS của ông Bùi Hữu Đăng thuộc trường hợp bị miễn nhiệm tại Đại hội.

* *Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- *Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần*

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ ghi biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100

Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

7 - Báo cáo của BKS về kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018

(i) Công tác hạch toán kế toán:

Số liệu và hạch toán kế toán trên báo cáo quyết toán tài chính tại thời điểm 31/12/2018 về phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành cũng như các Quy định của Pháp luật, Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

(ii) Về số liệu báo cáo quyết toán tài chính năm 2018:

Ban kiểm soát Công ty thống nhất với số liệu báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 Công ty lập và đã được Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam kiểm toán tại báo cáo kiểm toán số: 25 /2019/BCKT-PKF-VPC ngày 12 tháng 03 năm 2019.

(iii) Một số chỉ tiêu đánh giá trên cơ sở báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

- Về bảo toàn vốn: Kết quả SXKD năm 2018, Công ty đạt vượt kế hoạch lợi nhuận, vì vậy đã thực hiện bảo toàn vốn doanh nghiệp;

- Về hệ số nợ/Vốn CSH cao do đầu tư dự án là 6.998.457.168.000đ. Dự án đã hoàn thành năm 2017 và đã khai thác đạt công suất thiết kế 2,4 triệu tấn /năm. Giá trị thực hiện dự kiến khoảng 5 nghìn tỷ đồng Công ty đang thực hiện quyết toán dự án theo quy định;

- Về Hệ số thanh toán hiện thời: Đảm bảo cho việc thanh toán đúng hạn;

- Trích lập các quỹ: Thực hiện đúng chỉ đạo của TKV;

- Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả: Thực hiện đúng quy định, đến 31/12/2018 không có nợ quá hạn;

- Chi phí lãi vay: Lãi vay thực hiện vượt lãi vay KH do lãi suất ngân hàng có sự thay đổi;

- Thực hiện nghĩa vụ với NSNN: Thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước;

- Tình hình trích khấu hao: Thực hiện đúng mức khấu hao đã được đăng ký với Cục Thuế Quảng Ninh.

* Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần.

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

8 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2018 .

(i) Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội ĐCD thường niên năm 2018:

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết đại hội, HĐQT đã triển khai thực hiện trong suốt quá trình SXKD như: Điều chỉnh KHSXKD khi có sự bổ sung hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty với TKV, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với tình hình đặc điểm trong từng giai đoạn của Công ty; tăng cường công tác kỹ thuật an toàn; sử dụng có

hiệu quả thiết bị cơ giới hóa trong lò chợ, đào lò; sắp xếp lại tổ chức, giảm lao động gián tiếp; theo dõi việc thực hiện kế hoạch SXKD tháng, quý, năm trên các mặt để giám sát hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác, phấn đấu các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, có lãi, thực hiện bảo toàn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ hợp pháp của doanh nghiệp, người lao động và các cổ đông. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT TKV;

(ii) Giám sát hoạt động thông qua các phiên họp HĐQT:

Trong năm 2018 đã tổ chức họp 23 phiên ra 23 Nghị quyết và biên bản để triển khai thực hiện các Văn bản của TKV và thông qua các nội dung:

- Phê duyệt Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập; Quy chế tuyển dụng lao động;

- Phê duyệt Quy chế khoán và quản trị chi phí;

- Thông qua mức cổ tức năm 2017, dự kiến mức cổ tức năm 2018 trình Đại hội CD thường niên năm 2018;

- Phê duyệt: KHSXKD 2018; KHSCLTS cố định; các định mức, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, công tác cán bộ, tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020

- Triển khai thực hiện các văn bản của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; các văn bản pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp cổ phần.

Qua giám sát cho thấy, các vấn đề Giám đốc trình HĐQT phê duyệt đều được HĐQT phê duyệt kịp thời, đúng thẩm quyền, không gây trở ngại cho hoạt động điều hành.

(iii) Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với Ban giám đốc điều hành:

- Bám sát Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để điều hành hoạt động của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm để điều hành. Đồng thời đề ra nhiều giải pháp nhằm tăng cường công tác an toàn, đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án hoàn thành và hoạt động SXKD. Sử dụng có hiệu quả thiết bị cơ giới hóa lò chợ, thực hiện sản lượng theo đúng công suất thiết kế và thiết bị đào lò, nâng cao công tác quản trị các nguồn lực; quản trị chi phí, nhân sự, tài chính và quản trị rủi ro; từng bước cơ giới hóa phù hợp với tình hình đặc điểm của Công ty; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa SX; tăng năng suất lao động; bảo vệ tài nguyên; bảo vệ môi trường; chống thất thoát than, bảo vệ ranh giới mỏ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham ô...; phấn đấu tiết giảm chi phí nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành, nên đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động SXKD năm 2018.

- Chỉ đạo tập trung lập quyết toán và phê duyệt dự án đầu tư dưới mức -50 mỏ Hà Lâm hoàn thành theo đúng thời gian quy định; tiến hành cho công tác chuyển diện lò chợ CGH KT đảm bảo tiến độ theo KH và đảm bảo an toàn;

- Ban hành Quy định: Tiếp công dân; trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện gói thầu, hạng mục công trình (không nằm trong dự án) và bàn giao hồ sơ tài liệu giữa các phòng ban trong Công ty; nghiệm thu sản phẩm; nhận xét đánh giá cán bộ; quy định về công tác thuê ngoài; Quy định về công tác sửa chữa lớn TSCĐ là thiết bị;

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác an ninh trật tự bảo vệ danh giới mỏ không để xảy ra thất thoát sản phẩm;

- Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, kỹ luật thực hiện đúng quy trình theo quy định.

*** Đánh giá chung:**

Năm 2018, HĐQT và Ban giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều

hành giữa HĐQT và Ban giám đốc có sự phối hợp chặt chẽ nhằm mục đích tối đa các khoản lợi nhuận cho Công ty; chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, điều hành hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

* Kết quả biểu quyết (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)
- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần.

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ ghi biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

9- Báo cáo của BKS về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên trong năm 2018.

(i) Số lượng cuộc họp: Năm 2018 đã tổ chức họp 06 phiên, (04 phiên họp theo định kỳ, 02 phiên họp bất thường), các cuộc họp đảm bảo 100% (3/3) thành viên tham dự. Kết quả phiên họp được lập thành biên bản họp theo đúng quy định,

(ii) Nội dung cuộc họp: Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2018; đánh giá kết quả hoạt động của BKS kỳ trước, xây dựng phương hướng nhiệm vụ của quý sau; thống nhất đánh giá kết quả kiểm soát và tài liệu báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Thực hiện kiểm soát năm 2018: Kiểm soát hồ sơ khoan thăm dò và tháo khô nước vỉa 11 (khoan đáy moong mức -80 và -53) của năm 2018; hồ sơ thực hiện công tác trắc địa-Địa chất mỏ năm 2017 Công ty CP Than Hà Lâm –Vinacomin, hồ sơ thuê ngoài khoan – Bốc xúc – Vận chuyển đất đá phục vụ khai thác lộ thiên năm 2018 (đến thời điểm 30/6/2018); Tham gia giám sát và cùng kiểm tra với đoàn kiểm tra của Đảng ủy, Công đoàn, chuyên môn về quản lý và sử dụng vật tư 6 tháng đầu năm 2018, kiểm soát chuyên đề về thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn đến thời điểm 30/9/2018 (kiểm soát chọn mẫu 02 bộ hồ sơ sửa chữa lớn: Tự làm và thuê ngoài); kiểm soát chuyên đề về hồ sơ nhập và hồ sơ nhượng bán vật tư phế liệu thu hồi đến hết tháng 10 năm 2018.

+ Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và giám sát thông qua các phiên họp;

Sau mỗi lần kiểm soát định kỳ quý, 6 tháng, năm và các cuộc kiểm soát chọn mẫu theo chuyên đề đều có biên bản được ký kết giữa BKS và các phòng ban liên quan – Ban GD điều hành. Qua hoạt động kiểm soát Công ty đều tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Công ty.

(iii) Đánh giá kết quả hoạt động chung của BKS

Trên cơ sở đã triển khai tại các cuộc họp của BKS đối chiếu với khối lượng công việc và kết quả đã thực hiện. BKS tự đánh giá đã hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong năm 2018

(iv) Đánh giá kết quả của từng thành viên BKS:

- Ông Bùi Hữu Đăng – Trưởng ban:

Trưởng Ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo Điều lệ; thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp ban kiểm soát; đề nghị HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cung cấp thông tin liên quan để báo cáo các thành viên BKS; tổng hợp và lập các biên bản kiểm soát định kỳ, đột xuất về chuyên đề; lập các báo cáo

định kỳ kịp thời. Đồng thời cùng các thành viên BKS thực hiện các công việc theo kế hoạch đề ra

- Ông Trịnh Xuân Khoa và bà Trần Thị Ngạn:

Trong quá trình thực hiện công việc được phân công đã kết hợp cùng với Trường ban đề kiểm soát các chuyên đề về hồ sơ của các gói thầu sửa chữa lớn; Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017; Kiểm soát sổ sách, chứng từ thu chi quỹ tiền mặt theo kế hoạch đã xây dựng năm 2018; hồ sơ thuê ngoài khoan – Bốc xúc – Vận chuyển đất đá phục vụ khai thác lộ thiên năm 2018...theo như kế hoạch đã được phân công, nên đã góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của BKS.

Đánh giá chung: Trên cơ sở kết quả hoạt của BKS và của từng thành viên, BKS đã họp và thống nhất đánh giá: Trường BKS và các thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018.

* *Kết quả biểu quyết (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- *Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần.*

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

10 - Báo cáo của BKS đề xuất Đại hội lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019.

Đề nghị đại hội lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty vì: PKF Việt Nam là thành viên chính thức của Tập đoàn kiểm toán PKF Quốc tế, một trong các hãng kiểm toán lớn và có uy tín về chất lượng dịch vụ trên toàn cầu và tại Việt Nam;

PKF Việt Nam có nhiều kinh nghiệm kiểm toán cho các đơn vị trong Tập đoàn TKV; có nhiều kinh nghiệm kiểm toán báo cáo quyết toán Tài chính của Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất Tập đoàn TKV từ năm 2009 đến nay;

PKF Việt Nam cũng là Công ty kiểm toán đã cung cấp thành công dịch vụ phục vụ cho mục đích phát hành trái phiếu Quốc tế của Tập đoàn TKV(Tập đoàn kinh tế Việt Nam đầu tiên thực hiện phát hành trái phiếu Quốc tế); hàng năm được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm.

Trong trường hợp Công ty không thống nhất được với công ty Kiểm toán về tiền độ thực hiện và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán còn lại trong danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

* *Kết quả biểu quyết (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- *Số thẻ biểu quyết hợp lệ 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần.*

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại
--------	--	------------------------	---

			thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

Phần VI ĐỀ CỬ VÀ BẦU THÀNH VIÊN BKS

1- Đề cử ứng viên: Người đại diện của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đề cử ông Nguyễn Văn Tấn - Phó trưởng Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn làm ứng viên bầu vào Ban kiểm soát. Tại đại hội, không ai ứng cử hoặc đề cử thêm ứng viên. Đại hội biểu quyết chốt số lượng ứng viên để bầu vào BKS là 01 người: Ông Nguyễn Văn Tấn.

* Kết quả biểu quyết (tại thời điểm có 59 người dự họp có quyền biểu quyết)
- Số thẻ biểu quyết hợp lệ 59 thẻ = 20.063.433 cổ phần.

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ ghi biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	59	20.063.433	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

Thông tin về ứng viên

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Tấn**; Giới tính: Nam; Ngày sinh: 05/6/1973
- Nơi sinh: Thị trấn Văn Giang - Huyện Văn Giang - Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 510 VP3 Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 101074386 Ngày cấp: 08/8/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian từ tháng năm -/:- tháng năm	Đơn vị công tác
11/1993 - 4/1999	Công nhân, kế toán Mỏ Than Bảo Đài
4/1999 - 7/1999	Kế toán mỏ than Vàng Danh
7/1999 - 11/1999	Kế toán Mỏ than đồng Vông - Công ty TNHH MTV Than Đồng vông
11/1999 - 6/2002	Phó phòng Kế toán Mỏ than đồng Vông - Công ty TNHH MTV Than Đồng Vông
6/2002 - 11/2007	Trưởng Phòng, kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Than Đồng vông
11/2007 - 10/2015	Trưởng Phòng, kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Than Uông Bí
10/2015 - 10/2017	Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
11/2017 - 10/2018	Kế toán Trưởng - Công ty Tuyển than Cửa ông
11/2018 đến nay	Phó ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, người có liên quan trong tổ chức niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: không;
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan đến cổ phiếu của Công ty: Không
- * Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- * Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- * Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

2- Kết quả bầu thành viên BKS: Ông Nguyễn Văn Tấn - Phó trưởng Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn TKV trúng cử thành viên BKS Công ty.

- Số phiếu hợp lệ: 59 phiếu; Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu bầu ông Nguyễn Văn Tấn vào BKS: 59 phiếu = 20.063.433 cổ phần = 100% số CP biểu quyết tại ĐH.

3- Ban kiểm soát hợp bầu ông Nguyễn Văn Tấn giữ chức vụ TBKS Công ty.

Kết quả bầu Trưởng ban kiểm soát:

- Tổng số thành viên BKS dự họp BKS: 03 thành viên
- Số phiếu bầu ông Nguyễn Văn Tấn giữ chức vụ trưởng BKS: 3/3 = 100%

Phần VII

THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1- Thư ký trình bày dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết đại hội.

2- Chủ tọa xin ý kiến đại hội về dự thảo biên bản và Nghị quyết đại hội:

Đại hội không có ý kiến sửa đổi, bổ sung vào dự thảo biên bản và nghị quyết đại hội.

3 - Biểu quyết thông qua Biên bản họp đại hội

** Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần.

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

4- Biểu quyết thông qua Nghị quyết họp đại hội

** Kết quả biểu quyết: (tại thời điểm còn 56 người dự họp có quyền biểu quyết)*

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 56 thẻ = 20.057.055 cổ phần.

Ý kiến	Số phiếu (số lượng thẻ giờ biểu quyết)	Số cổ phiếu biểu quyết	% số CP biểu quyết/ Tổng số CP dự họp tại thời điểm biểu quyết
Tán thành	56	20.057.055	100%
Không tán thành	0	0	0
Không có ý kiến	0	0	0

5- Bế mạc Đại hội: Chủ tọa bế mạc đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin kết thúc hồi 11h30 cùng ngày.

Biên bản đã được đại hội biểu quyết tán thành thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

(Biên bản này được đăng tải trên Website của Công ty, địa chỉ truy cập <http://halamcoal.com.vn> và Công bố thông tin trên trang điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24h, kể từ khi bế mạc đại hội)

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Phạm Văn Tác

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Nguyễn Trọng Tốt
CHỦ TỊCH HĐQT

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐTN

Hạ Long, ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin được tổ chức ngày 24 tháng 4 năm 2019,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 bao gồm:

1- Báo cáo kết quả SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 và kế hoạch cổ tức năm 2019:

1.1- Kết quả SXKD năm 2018 về một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chi tiêu	ĐVT	KH năm 2018 (ĐHĐCĐ thông qua)	KH 2018 điều chỉnh	Thực hiện năm 2018 (lấy tròn số)	% TH / KH
I	2	3	4	5	6	7= 6/4
I	Than nguyên khai	1000 Tấn	2.700	2.900	2.920	108,14
	- Lộ thiên	“	300	500	520	173,33
	- Hàm lò	“	2.400	2.400	2.400	100
II	Đất CBSX	m ³	1.800.000	3.000.000	3.007.094	167
III	Đào lò đào (mét lò chuẩn bị SX)	m	9.150	8.250	8.269	90,37
IV	Than tiêu thụ	tấn	2.613.000	2.820.000	2.934.380	112,29
V	Doanh thu SX than	Tr.đ	2.673.000	3.036.699	3.133.891	117,24
VI	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	35.525	35.525	66.652	187,61
VII	Lao động định mức B/q	Người	3.468	3.468	3.330	96
-	Tiền lương bq/ng/tháng	1000đ	11.804	11.804	13.261	112,34

1.2- Kế hoạch SXKD năm 2019 về một số chỉ tiêu chủ yếu, mức cổ tức năm 2019, ủy quyền điều chỉnh KHSXKD.

(i) Kế hoạch SXKD năm 2019 về một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019
I	Than nguyên khai	1000 Tấn	3.150
	- Lộ thiên	“	750
	- Hàm lò	“	2.400
II	Đất CBSX	1000 m ³	1.430
III	Đào lò đào CBSX	m	9.500
IV	Than tiêu thụ	1000tấn	3.005
V	Doanh thu SX than	Tr.đ	2.973.677
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	43.048
VII	Lao động định mức B/q	Người	3.145
	Tiền lương bq/ng/tháng	1000đ	13.540

(ii) Mức cổ tức năm 2019: Kế hoạch cổ tức năm 2019 từ 6-:-7%/VĐL (từ sáu phần trăm đến bảy phần trăm/Vốn điều lệ của Công ty)

(iii) Ủy quyền: Đại hội ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD khi điều kiện SXKD có sự thay đổi hoặc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam điều chỉnh hợp đồng phối hợp kinh doanh với Công ty, nhưng phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

2- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

2.1- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán, trong đó bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản sau:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	3 150 769 231 563	2 723 201 712 430
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần (10 = 01-02)	3 150 769 231 563	2 723 201 712 430
4- Giá vốn hàng bán	2 626 276 142 826	2 164 016 987 445
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	524 493 088 737	559 184 724 985
6- Doanh thu hoạt động tài chính	1 004 560 429	1 156 448 158
7- Chi phí tài chính	289 229 319 946	289 446 399 095
- Trong đó: Chi phí lãi vay	289 229 319 946	289 446 399 095
8- Chi phí bán hàng	52 279 827 711	48 639 050 280

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	117 426 908 667	160 042 114 375
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	66 561 592 842	62 213 609 393
11- Thu nhập khác	689 276 348	2 197 605 302
12- Chi phí khác	598 370 647	653 730 418
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	90 905 701	1 543 874 884
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	66 652 498 543	63 757 484 277
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13 438 780 471	12 751 496 855
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	53 213 718 072	51 005 987 422
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	700	1 022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1	2	3	4
1	Tổng tài sản	Tr.đ	3.934.848
	- Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	556.811
	- Tài sản dài hạn	Tr.đ	3.378.037
2	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	3.934.848
	- Nợ phải trả	Tr.đ	3.608.582
	- Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	326.266
3	Khả năng thanh toán nợ	Lần	0,62
4	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	11,02
5	Mức độ bảo toàn vốn	Lần	1,03
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	679.072
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	66.652
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	lần	0,62
9	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	lần	11,02
10	Mức độ bảo toàn vốn	lần	1,03

3- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019.

(i) Hoạt động quản trị trong HĐQT: Năm 2018, HĐQT tổ chức 23 Phiên họp, ban hành 23 Nghị quyết, 62 quyết định đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Các phiên họp đảm bảo 100% thành viên tham dự, có sự tham gia của Trưởng BKS và đại diện các phòng, ban có liên quan đến nội dung phiên họp. Biên bản được thông qua phiên họp, các thành viên HĐQT ký xác nhận. Căn cứ Biên bản, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết để các cán bộ quản lý, phòng, ban tham mưu triển khai thực hiện.

Năm 2018, Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đúng thẩm quyền được quy định trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Hoạt động của HĐQT bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. Các cuộc họp HĐQT kịp thời, dân chủ, minh bạch, thống nhất cao, các vấn đề đưa ra được các thành viên thảo luận biểu quyết thông qua. Các Nghị quyết, quyết định đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty góp phần tích cực vào hoàn thành vượt mức KHSXKD năm 2018. Đồng thời thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT; quá trình hoạt động, các thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, qua phân loại đánh giá có 4 thành viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 01 thành viên hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

- Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc và kế toán trưởng: Trên cơ sở kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán và thẩm định của BKS cho thấy, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện đúng Nghị quyết đại HĐCĐ thường niên năm 2018, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, điều hành SXKD hợp lý, phù hợp với điều kiện, tình hình đặc điểm của Công ty tại từng thời điểm. Điều hành hoàn thành vượt mức KHSXKD năm 2018; quản lý tài chính đảm bảo đúng chế độ, chính sách pháp luật.

Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ năm 2018, có 06 cán bộ quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 01 cán bộ hoàn thành nhiệm vụ.

(ii) Phương hướng, nhiệm vụ 2019 của HĐQT: Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Chỉ đạo việc thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua; tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tiếp tục cơ giới hóa hợp lý trong SX; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong Công ty, nhằm tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, bảo toàn vốn...

4- Báo cáo của BKS về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.

Thông nhất với đánh giá của Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

* Tài sản tổng số:	3.934.848.909.000 đồng;
- Tài sản ngắn hạn:	556.811.730.154 đồng;
- Tài sản dài hạn:	3.378.037.178.846 đồng;
* Tổng nguồn vốn:	3.934.848.909.000 đồng;
- Nợ phải trả:	3.608.582.281.726 đồng;
- Nguồn vốn chủ sở hữu:	326.266.627.274 đồng;
* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	53.213.718.072 đồng.

- Bảo toàn vốn: Kết quả SXKD năm 2018, Công ty đạt vượt kế hoạch lợi nhuận, vì vậy đã thực hiện bảo toàn vốn doanh nghiệp;
- Hệ số nợ/Vốn CSH cao do đầu tư dự án là 6.998.457Tr.đ. Dự án đã hoàn thành năm 2017 và đã khai thác đạt công suất thiết kế 2,4 triệu tấn /năm. Giá trị thực hiện dự kiến khoảng 5 nghìn tỷ đồng Công ty đang thực hiện quyết toán dự án theo quy định;
- Hệ số thanh toán hiện thời: Đảm bảo cho việc thanh toán đúng hạn;
- Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả: Thực hiện đúng quy định, đến 31/12/2018 không có nợ quá hạn;
- Chi phí lãi vay: Lãi vay thực hiện vượt lãi vay KH do lãi suất ngân hàng có sự thay đổi;
- Thực hiện nghĩa vụ với NSNN: Thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước;
- Tình hình trích khấu hao: Thực hiện đúng mức khấu hao đã được đăng ký với Cục Thuế Quảng Ninh.

5- Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2018.

(i) Giám sát hoạt động thông qua các phiên họp HĐQT:

Trong năm 2018 đã tổ chức họp 23 phiên ra 23 Nghị quyết và biên bản để triển khai thực hiện các Văn bản của TKV và thông qua các nội dung:

- Phê duyệt Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập; Quy chế tuyển dụng lao động;
- Phê duyệt Quy chế khoán và quản trị chi phí;
- Thông qua mức cổ tức năm 2017, dự kiến mức cổ tức năm 2018 trình Đại hội CĐ thường niên;
- Phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT (KHSXKD 2018; định mức vật tư chủ yếu 2018; Định mức NSLĐ, mức lương, HS giãn cách tiền lương giao khoán....công tác cán bộ).

Qua giám sát cho thấy, các vấn đề được HĐQT phê duyệt kịp thời, không gây trở ngại cho hoạt động điều hành. Nội dung họp HĐQT đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; trình tự, thủ tục và nội dung Nghị quyết, quyết định đảm bảo đúng pháp luật hiện hành.

(ii) Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với Ban giám đốc điều hành:

Năm 2018, Ban giám đốc điều hành đã bám sát Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để điều hành việc thực hiện KHSXKD; ban hành quy định cụ thể để quản lý công ty trên các mặt; Sử dụng có hiệu quả thiết bị cơ giới hóa lò chọ, thực hiện sản lượng theo đúng công suất thiết kế và thiết bị đào lò, nâng cao công tác quản trị các nguồn lực; quản trị chi phí, nhân sự, tài chính và quản trị rủi ro... từng bước cơ giới hóa phù hợp với tình hình đặc điểm của Công ty; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa SX; tăng năng suất lao động; bảo vệ tài nguyên; bảo vệ môi trường; chống thất thoát than, bảo vệ ranh giới mỏ, thực hành tiết kiệm

chống lãng phí, chống tham ô...; quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật; tiết giảm chi phí nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành, nên đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động SXKD năm 2018.

6- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng kiểm soát viên năm 2018.

(i) Hoạt động của BKS: Năm 2018, BKS họp 06 phiên (04 phiên họp theo định kỳ, 02 phiên họp bất thường), các cuộc họp đảm bảo 100% (3/3) thành viên tham dự để triển khai các công việc thuộc thẩm quyền giám sát của BKS.

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức thực hiện kiểm soát một số nội dung trọng tâm cụ thể như sau: Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017; hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018; Kiểm soát chuyên đề; Kiểm soát sổ sách, chứng từ thu chi quỹ tiền mặt; Kiểm tra chọn mẫu một số bộ hồ sơ hợp đồng mua sắm; Kiểm soát hồ sơ khoan thăm dò và tháo khô nước vỉa 11; hồ sơ thực hiện công tác trắc địa-Địa chất mỏ; hồ sơ thuê ngoài khoan – Bốc xúc – Vận chuyển đất đá phục vụ khai thác lộ thiên năm 2018....; Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và giám sát thông qua các phiên họp HĐQT;

Kết quả kiểm soát được lập thành biên bản và ký kết giữa BKS và các phòng ban liên quan – Ban GD điều hành. Qua hoạt động kiểm soát Công ty đều tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Công ty.

Trên cơ sở đã triển khai tại các cuộc họp của BKS đối chiếu với khối lượng công việc và kết quả đã thực hiện. BKS tự đánh giá đã hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong năm 2018

(ii) Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS

Trên cơ sở kết quả hoạt của BKS và của từng thành viên, BKS đã họp và thống nhất đánh giá: Trường BKS và các thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Đại hội thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 là 7%/VĐL (Bảy phần trăm/Vốn điều lệ) và tán thành trích lập các quỹ như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
I	Lợi nhuận trước thuế	66.652
1	Trích nộp thuế TNDN	13.438
II	Lợi nhuận sau thuế	53.214
1	Chia cổ tức: 8%/ vốn điều lệ	20.332
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích nội dung (1)	32.882
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0

TT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
2.2	Quỹ thưởng viên chức quản lý ($\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2018)	416
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (≤ 3 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2018)	
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.466

Điều 3. Thông qua mức thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch tiền thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT, BKS năm 2019.

1. Năm 2018: Mức thù lao năm 2018 của thành viên HĐQT, thành viên BKS kiêm nhiệm chức vụ hằng tháng thực hiện đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

(i) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm chức vụ

TT	Chức danh	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	27.000.000	$27.000.000 \times 20\% = 5.400.000$
2	Thành viên HĐQT	23.000.000	$23.000.000 \times 20\% = 4.600.000$
3	Trưởng BKS	23.000.000	$23.000.000 \times 20\% = 4.600.000$
4	Thành viên BKS	23.000.000	$23.000.000 \times 20\% = 4.600.000$

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Tiền lương giao khoán 1 tháng theo QĐ279 (1000đ)	Tiền lương bình quân 1 tháng TH năm 2018 (1000đ)	Tiền lương kế hoạch 1 tháng năm 2019 (1000đ)	Quỹ lương KH năm 2019 (1000đ)
1	Giám đốc	1	26.000	39.000	39.000	468.000
2	Phó giám đốc	5	115.000	172.500	172.500	2.070.000
3	Kế toán trưởng	1	21.000	31.500	31.500	378.000
	Tổng cộng	7	162.000	243.000	243.000	2.916.000

2. Năm 2019: Kế hoạch tổng mức tiền lương và thù lao Công ty sẽ trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty năm 2019 như sau:

TT	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	64,8	0
2	Thành viên HĐQT	04	220,8	0
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm	01	46,0	0
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	110,4	0

5	Giám đốc	01		468
6	Phó giám đốc	05		2.070
7	Kế toán trưởng	01		378
Tổng cộng			442	2.196

Phương thức chi trả thù lao và tiền lương: Hằng quý các thành viên HĐQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao của quý đó; hằng tháng các cán bộ quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

Điều 4. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty

Lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Trường hợp Công ty không thống nhất được với công ty Kiểm toán về tiến độ thực hiện và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán còn lại trong danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Điều 5. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS

Thông qua miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với ông Bùi Hữu Đăng.

Điều 6. Kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát và Trưởng BKS.

1. Kết quả bầu thành viên BKS: Ông Nguyễn Văn Tấn trúng cử thành viên BKS với số phiếu bầu 59 phiếu = 20.063.433 cổ phần = 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội. Nhiệm kỳ thành viên BKS của ông Nguyễn Văn Tấn là thời gian còn lại của BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

2. Ban kiểm soát nhóm họp và bầu ông Nguyễn Văn Tấn giữ chức vụ Trưởng BKS của Công ty với số phiếu 3/3 = 100% số phiếu bầu của BKS.

Điều 7. Hiệu lực và tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Hiệu lực: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tán thành biểu quyết thông qua.

2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Toàn văn Nghị quyết đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 biểu quyết tán thành với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

(Nghị quyết này được đăng tải trên Website của Công ty, địa chỉ truy cập <http://halamcoal.com.vn> và Công bố thông tin trên trang điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24h, kể từ khi bề mặt đại hội) *etc*

Nơi nhận:

- Các cổ đông (tiếp cận tại Website của Công ty);
- UBCK NN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, BCHCD, ĐTN;
- Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác;
- Phòng CV (CBTT trên thị trường chứng khoán và đăng Website công ty);
- Lưu T.ký; Hồ sơ Đại hội.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Nguyễn Trọng Tốt
CHỦ TỊCH HĐQT